

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 131/2025/DS-ST

Ngày: 29 – 4 – 2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng Tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Ngân
- Bà Huỳnh Thị Thê Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Cẩm Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1).

Địa chỉ trụ sở: số B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 – Chức vụ: Nhân viên (theo Giấy uỷ quyền ngày 01/4/2024)

Địa chỉ liên hệ: số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông Lê Minh D, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: tổ H, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn do ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 22/01/2018, ông Lê Minh D có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Lê Minh D, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Lê Minh D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 43,550,000 đồng.

Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Lê Minh D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 48,454,518 (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền giao dịch thanh toán trên được áp dụng theo điều 20 của bên Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Ngân hàng đã làm việc, nhắc nhở nhiều lần nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bảng Điều khoản và điều kiện hiện hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 13,567,479 đồng sang nợ quá hạn (gọi là nợ gốc) và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là $2,6\%/tháng \times 150\% = 3,9\%/tháng$ lãi quá hạn).

Sau đó, Ngân hàng đã làm việc trực tiếp với ông D yêu cầu ông có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để ông D trả nợ, tuy nhiên ông D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu: Buộc ông Lê Minh D phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 31.258.393 đồng; trong đó: nợ gốc: 13.567.479 đồng, lãi quá hạn: 17.690.914 đồng. Đồng thời, ông Lê Minh D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Lê Minh D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, không có người đại diện tham gia tố tụng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của ông D .

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Lê Minh D trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 13.567.479 đồng, lãi quá hạn: 17.690.914 đồng. Tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 31.258.393 đồng; và phải tiếp tục tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 30/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng vốn vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng tín dụng”, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Minh D là bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đại diện nguyên đơn yêu cầu vắng mặt; đối với bị đơn Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông D vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng TMCP S yêu cầu Lê Minh D trả số tiền vốn vay còn nợ số tiền nợ gốc 13.567.479 đồng, lãi quá hạn 17.690.914 đồng. Tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 31.258.393 đồng. Xét, tuy ông D không cung cấp lời khai, trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để xác định: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng được xác lập giữa Ngân hàng TMCP S với ông D trên cơ sở tự nguyện, hai bên đã ký và sau khi mở thẻ tín dụng ông Lê Minh D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 43,550,000 đồng (thể hiện tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 29/01/2018 do ông Lê Minh D ký tên chủ thẻ chính và tóm tắt sao kê của Ngân hàng đối với số thẻ 472074 của Lê Minh D; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định

tại Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp Điều 90, 91, 94, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 43,550,000 đồng và có thanh toán cho ngân hàng số tiền 48,454,518 (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm) tiền vốn, hiện còn nợ số tiền vốn là 13.567.479 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 17.373.430 đồng, tổng cộng vốn lãi 30.940.909 đồng, cho đến nay ông D không trả cho Ngân hàng là đã vi phạm hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã ký kết. Việc này làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay và lãi phát sinh là có căn cứ chấp nhận.

Tổng vốn vay và lãi tính đến ngày xét xử (29/4/2025), bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn 13.567.479 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 17.373.430 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 30.940.909 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;
- Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 275, Điều 288, Điều 292, Điều 293, Điều 297, Điều 298, khoản 2 Điều 184 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
- Điểm a khoản 1 Điều 4, Điều 13, Điều 14, Điều 16 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Lê Minh D về việc trả vốn vay, lãi phát sinh theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng.

- Buộc ông Lê Minh D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn là 13.567.479 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 17.373.430 đồng; tổng cộng vốn lãi 30.940.909 đồng.

- Kể từ ngày 30/4/2025, ông D còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng được xác lập giữa Ngân hàng TMCP S với ông D cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Về án phí sơ thẩm:

+ Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí nên được nhận lại 605.080đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022507 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Ông Lê Minh D phải chịu án phí là 1.547.000đồng.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Bích Tuyền